

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 11 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước
2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ng Thị M X, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 146, tổ 5, ấp H H, xã Ph H, huyện P T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Ng V S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ph H X, xã Ph L, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại buổi hòa giải nguyên đơn chị Ng Thị M X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh S trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ph L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, cờ bạc và chửi mắng chị. Dù được chị X khuyên nhiều lần nhưng anh S không thay đổi mà còn đánh chị. Do không thể chịu được nữa nên chị X đã dắt con về nhà cha mẹ ruột ở cho tới nay.

Khoảng năm 2015 chị X có về nhà chồng tìm anh S để làm đơn xin ly hôn nhưng anh S đã bỏ địa phương đi, không liên lạc được. Chị X và gia đình anh S có đi tìm nhưng không có bất kỳ tin tức nào của anh S nên chị X có gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Ng V S mất tích vào năm 2019.

Do đó, nay chị Ng Th M X yêu cầu được ly hôn với anh Ng V S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị X và anh S có 01 con chung là Ng Th Nh Y, sinh ngày 10/10/2010 (hiện đang sống với chị X). Nay chị X yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Bị đơn anh Ng V S đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2019/QĐST-DS ngày 13/5/2019 và được Tòa án triệu tập họp lệ theo trình tự, thủ tục luật định nhưng anh S vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị X và anh S kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Ph L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2010.

Khi về sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị X đã dắt con về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2010 đến nay. Anh S đã bị Tòa án nhân dân

huyện Châu Thành tuyên bố mất tích vào tháng 5 năm 2019 cho đến nay không có tin tức.

Do đó, cho thấy đời sống hôn nhân giữa anh S và chị X không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị X yêu cầu được ly hôn với anh Ng V S là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Chị X và anh S có 01 con chung là Ng Th Nh Y, sinh ngày 10/10/2010 (hiện đang sống với chị X). Chị X yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ vì từ khi anh S, chị X ly thân năm 2010 thì cháu Nh Y do chị X trực tiếp nuôi, còn anh S đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích vào ngày 13/5/2019, đến nay không có tin tức gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cháu Ng Th Nh Y cho chị X nuôi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị X trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2019 chị X yêu cầu được ly hôn với anh Ng V S và yêu cầu được nuôi con chung nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét việc chị Ng Thị M X có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Ng V S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị X và anh S là trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được ủy ban nhân dân xã Ph L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị X thể hiện: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, chửi mắng chị. Chị X nhiều lần khuyên nhưng anh S không nghe mà còn đánh chị. Do không thể chịu được nữa nên chị X đã dắt con về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2010 cho tới nay.

Vào ngày 13/5/2019 anh Ng V S đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích theo yêu cầu của chị Ng Th K X và ngày 09/10/2019 Công an xã Ph L xác nhận hiện nay vẫn chưa có tin tức gì của anh S.

Như vậy thời gian ly thân giữa chị X và anh S cách đây đã hơn 9 năm, hoàn toàn mất liên lạc. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là điều kiện để cho ly hôn. Nên xét việc chị Ng Th M X yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Ng V S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo chị X trình bày, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị X và anh S có 01 con chung là Ng Th Nh Y, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống chung với chị X. Nay chị X yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Từ khi chị X và anh S sống ly thân năm 2010 thì cháu Ng Th Nh Y đã được chị X trực tiếp chăm sóc cho tới nay, đồng thời anh S cũng bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích vào tháng 5 năm 2019, hiện cũng chưa có bất kỳ tin tức nào. Do đó, thực tế chỉ có chị X mới đủ điều kiện để chăm sóc cháu Ng Th Nh Y, vì vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu Nh Y thì xét việc chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị X chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227; Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Ng Thị M X được ly hôn với anh Ng V S.

- Về con chung: Giao con chung là Ng Th Nh Y, sinh ngày 10/10/2010 cho chị Ng Thị M X trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Ng Thị M X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004756 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị X đã nộp xong.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Long;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Văn Bình